

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07/3/2019

V/v : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vĩnh Thạnh

2. Ông Phan Văn Thiện

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:12/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Khu vực Tân Q, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th. (có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: anh Nguyễn Minh K, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Khu vực Tân X, phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Chị và anh K tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường L, quận Ô M theo quy định của pháp luật. Chị T và anh K có thời gian chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình, do anh K không lo làm ăn, chị T có khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi, còn đánh đập chị T nhiều lần, chị T cố nín nhịn để vợ chồng hàn gắn hạnh phúc nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K không có con chung.Về tài sản chung và nợ

chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Minh K trình bày:

Anh và chị T tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban phường Trường L, quận Ô M, theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày. Tuy nhiên hiện anh còn thương chị T, anh mong chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình. Về con chung: Anh và chị T không có con chung. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Vụ kiện được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật. Giữa anh K và chị T không thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh K vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị T và anh K tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường L, quận Ô M, thành phố C Th vào ngày 28 tháng 01 năm 2016. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận nên khi chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn sẽ do Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh, chị T và anh K thường trú tại phường Trường L, quận Ô M, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ô M.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh K có thời gian chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu phát sinh do anh K không lo làm ăn, nên vợ chồng thường hay cự cãi và anh K hay rượt đánh chị, mặc dù chị không có lỗi làm gì, anh chị đã tìm nhiều biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không mang lại kết quả, ngược lại mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm

trọng hơn và vợ chồng cũng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay, cả hai đã không còn quan tâm đến nhau và cũng không có biện pháp để hàn gắn hạnh T gia đình.

Nay chị T xác định nay tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

[3] Về phía bị đơn: Anh thừa nhận là do anh thương chị T, anh mong chị T suy nghĩ lại về đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hòa giải... nhằm thông báo cho anh K biết việc chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh K để K có ý kiến về hôn nhân giữa anh với chị T hoặc có biện pháp hàn gắn tình cảm để động viên chị T quay về đoàn tụ. Tuy nhiên, cho đến nay anh K vẫn không hề có ý kiến gì về vấn đề hôn nhân giữa anh K với chị T và anh K chỉ tham gia phiên hòa giải 01 lần và vắng mặt không đến tham gia tố tụng khi Tòa án giải quyết vụ việc, điều này chứng tỏ anh K không còn muốn níu kéo cuộc hôn nhân với chị T. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Nguyễn Minh K.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu số tiền 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 005868 ngày 11/01/2019 thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn được quyền kháng cáo, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật bị đơn được quyền kháng cáo, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND quận Ô Môn;*
- *TAND TP. Cần Thơ;*
- *UBND phường Trường Lạc;*
- *CC THADS quận Ô Môn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thanh Quốc